

Bản án số: 45/2019/DS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Huỳnh Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long: Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2018/TLST-DS ngày 06/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân V

Địa chỉ trụ sở: số S, Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Bé N - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Lê M, sinh năm 1971 - Chức vụ: Phó Giám đốc (có mặt)

- Bị đơn: 1. Bà Phan Thị P1, sinh năm 1964 (có mặt)

2. Ông Cao Quốc P2, sinh năm 1984 (vắng mặt)

3. Ông Cao Quốc Y, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng cư trú: số nhà B, đường H, phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Quốc P2, ông Cao Quốc Y: Bà Phan Thị P1, sinh năm 1964 (có mặt). Nơi cư trú: số nhà B, đường H, phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2018 và quá trình giải quyết vụ án, Quỹ tín dụng nhân dân V trình bày:

Ngày 04/11/2016, Quỹ tín dụng nhân dân V (sau đây viết tắt: Quỹ tín dụng) và bà Phan Thị P1 ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1-0000398, số tiền vay 15.000.000đ, thời hạn vay 180 ngày, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất trong hạn 3%/tháng, lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất vay trong hạn, phương thức trả: gốc và lãi hàng ngày, tài sản bảo đảm: không có. Thực hiện hợp đồng, bà P1 đã thanh toán nợ gốc 6.588.600đ, lãi 1.185.000đ, tổng cộng đã trả nợ gốc và lãi 7.773.600đ. Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu bà P1 trả tổng cộng nợ gốc, lãi tính đến ngày 19/7/2018 là 19.766.400đ.

Ngày 19/8/2016, Quỹ tín dụng và ông Cao Quốc P2 ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1-0004787 cùng Hợp đồng thế chấp tài sản số 661/2016/CVTCX. Số tiền vay là 15.000.000đ, thời hạn vay 180 ngày, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất trong hạn 2,7%/tháng, lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất vay trong hạn, phương thức trả: gốc và lãi hàng ngày. Tài sản thế chấp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Dayang, biển số kiểm soát: 64K3-N, do ông P2 đứng tên đăng ký xe. Thực hiện hợp đồng, ông P2 đã thanh toán nợ gốc 11.342.400đ, lãi 1.836.000đ, tổng cộng đã trả nợ gốc và lãi 13.178.400đ. Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông P2 trả tổng cộng nợ gốc, lãi tính đến ngày 19/7/2018 là 14.531.850đ.

Ngày 20/8/2016, Quỹ tín dụng và ông Cao Quốc Y ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1-0004807 cùng Hợp đồng thế chấp tài sản số 666/2016/CVTCX. Số tiền vay 15.000.000đ, thời hạn vay 180 ngày, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất trong hạn 2,7%/tháng, lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất vay trong hạn, phương thức trả: gốc và lãi hàng ngày. Tài sản thế chấp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Quick, biển số kiểm soát: 64F4-C, do ông Y đứng tên đăng ký xe. Thực hiện hợp đồng, ông Y đã thanh toán nợ gốc 11.259.000đ, lãi 1.822.500đ, tổng cộng đã trả nợ gốc và lãi 13.081.500đ. Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông Y trả tổng cộng nợ gốc, lãi tính đến ngày 19/7/2018 là 14.615.250đ.

Quỹ tín dụng yêu cầu bà P1, ông P2, ông Y tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận đến khi tất toán nợ. Trường hợp ông P2, ông Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Quỹ tín dụng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản.

Tại các biên bản hòa giải ngày 26/12/2018, 11/3/2019, 01/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị P1 trình bày:

Bà P1 cùng hai con tên Cao Quốc P2, Cao Quốc Y có ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với thời gian, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng cùng số tiền gốc, lãi mà bị đơn đã trả như Quỹ tín dụng trình bày là đúng. Bị đơn chưa thỏa thuận được với Quỹ tín dụng về việc thanh toán nợ. Bà P1 đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm các bị đơn nợ nguyên đơn như sau: Bà P1 nợ tổng cộng 18.968.370đ, trong đó nợ gốc 8.411.400đ, nợ lãi trong hạn 1.725.000đ, nợ lãi quá hạn 8.831.970đ; ông P2 nợ tổng cộng 8.448.484đ, trong đó nợ gốc 3.657.600đ, nợ lãi trong hạn 1.053.000đ, nợ lãi quá hạn 3.737.884đ; ông Y nợ tổng cộng 8.617.115đ, trong đó nợ gốc 3.741.000đ, nợ lãi trong hạn 1.053.000đ, nợ lãi quá hạn 3.823.115đ. Về phía bị đơn, bà P1 đồng ý yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, nhưng đề nghị Quỹ tín dụng miễn lãi quá hạn đối với hợp đồng tín dụng của bà P1; riêng các hợp đồng tín dụng của ông P2, ông Y đề nghị Quỹ tín dụng chỉ xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng. Buộc bà P1 trả Quỹ tín dụng tổng cộng nợ gốc, lãi 18.968.370đ, trong đó nợ gốc 8.411.400đ, nợ lãi trong hạn 1.725.000đ, nợ lãi quá hạn 8.831.970đ. Buộc ông P2 trả Quỹ tín dụng tổng cộng nợ gốc, lãi 8.448.484đ, trong đó nợ gốc 3.657.600đ, nợ lãi trong hạn 1.053.000đ, nợ lãi quá hạn 3.737.884đ. Buộc ông Y trả Quỹ tín dụng tổng cộng nợ gốc, lãi 8.617.115đ, trong đó nợ gốc 3.741.000đ, nợ lãi trong hạn 1.053.000đ, nợ lãi quá hạn 3.823.115đ. Trường hợp ông P2, ông Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Quỹ tín dụng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Dayang, biển số kiểm soát: 64K3-N, do ông P2 đứng tên đăng ký theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 661/2016/CVTCX ngày 19/8/2016 và 01 xe mô tô, nhãn hiệu Quick, biển số kiểm soát: 64F4-C, do ông Y đứng tên đăng ký theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 666/2016/CVTCX ngày 20/8/2016. Từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà P1, ông P2, ông Y tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Các đương sự nộp án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quỹ tín dụng khởi kiện bà P1, ông P2, ông Y tranh chấp hợp đồng tín dụng vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn Cao Quốc P2, Cao Quốc Y vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền bà Phan Thị P1

đại diện. Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1-0000398 ngày 04/11/2016, số 1-0004787 ngày 19/8/2016, số 1-0004807 ngày 20/8/2016 và các hợp đồng thế chấp tài sản số 661/2016/CVTCX ngày 19/8/2016, số 666/2016/CVTCX ngày 20/8/2016 được ký kết giữa Quỹ tín dụng và bà P1, ông P2, ông Y là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Quỹ tín dụng được Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long quyết định cấp giấy phép thành lập ngày 28/5/2015, được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Quỹ tín dụng có điều lệ hoạt động, có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại các Điều 37, 38 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN, ngày 31/3/2015 của Ngân hàng nhà nước “Quy định về Quỹ tín dụng nhân dân”.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án và lời trình bày của bà P1 đủ căn cứ chứng minh bà P1, ông P2, ông Y đã nhận số tiền vay, đã thanh toán tổng cộng gốc, lãi như Quỹ tín dụng trình bày là đúng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng, buộc bà P1 trả Quỹ tín dụng nợ gốc 8.411.400đ, buộc ông P2 trả Quỹ tín dụng nợ gốc 3.657.600đ, buộc ông Y trả Quỹ tín dụng nợ gốc 3.741.000đ.

[3] Về tiền lãi: Các hợp đồng tín dụng được nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận với lãi suất trong hạn 3%/tháng, 2,7%/tháng, lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng”.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng, buộc bà P1 trả Quỹ tín dụng nợ lãi trong hạn 1.725.000đ, nợ lãi quá hạn 8.831.970đ, tổng cộng nợ lãi 10.556.970đ; buộc ông P2 trả Quỹ tín dụng nợ lãi trong hạn 1.053.000đ, nợ lãi quá hạn 3.737.884đ, tổng cộng nợ lãi 4.790.884đ; buộc ông Y trả Quỹ tín dụng nợ lãi trong hạn 1.053.000đ, nợ lãi quá hạn 3.823.115đ, tổng cộng nợ lãi 4.876.115đ. Như vậy, tổng cộng nợ gốc, lãi bà P1 buộc trả Quỹ tín dụng là 18.968.370đ; tổng cộng nợ gốc, lãi ông P2 buộc trả Quỹ tín dụng là 8.448.484đ; tổng cộng nợ gốc, lãi ông Y buộc trả Quỹ tín dụng là 8.617.115đ.

Bà P1, ông P2, ông Y tiếp tục trả lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Riêng ông P2, ông Y nếu không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Quỹ tín dụng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự thực hiện các biện pháp xử lý tài sản thế chấp đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Dayang, biển số kiểm soát: 64K3-N, do ông P2 đứng tên đăng ký theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 661/2016/CVTCX ngày 19/8/2016 và 01 xe mô tô, nhãn hiệu Quick, biển số kiểm soát: 64F4-C, do ông Y đứng tên đăng ký theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 666/2016/CVTCX ngày 20/8/2016.

[4] Án phí: Buộc bà P1 nộp 948.500đ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông P2 nộp 422.500đ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Y nộp 430.800đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Quỹ tín dụng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân V.

Buộc bà Phan Thị P1 trả Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền nợ gốc 8.411.400đ (tám triệu bốn trăm mười một ngàn bốn trăm đồng), nợ lãi trong hạn 1.725.000đ (một triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng), nợ lãi quá hạn 8.831.970đ (tám triệu tám trăm ba mươi một ngàn chín trăm bảy mươi đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi 18.968.370đ (mười tám triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi đồng).

Buộc ông Cao Quốc P2 trả Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền nợ gốc 3.657.600đ (ba triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm đồng), nợ lãi trong hạn 1.053.000đ (một triệu không trăm năm mươi ba ngàn đồng), nợ lãi quá hạn 3.737.884đ (ba triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm tám mươi tư đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi 8.448.484đ (tám triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm tám mươi tư đồng).

Buộc ông Cao Quốc Y trả Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền nợ gốc 3.741.000đ (ba triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn đồng), nợ lãi trong hạn 1.053.000đ (một triệu không trăm năm mươi ba ngàn đồng), nợ lãi quá hạn 3.823.115đ (ba triệu tám trăm hai mươi ba ngàn một trăm mười lăm đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi 8.617.115đ (tám triệu sáu trăm mười bảy ngàn một trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phan Thị P1, ông Cao Quốc P2, ông Cao Quốc Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức cho vay.

Trường hợp ông Cao Quốc P2, ông Cao Quốc Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân V thực hiện quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Dayang, biển số kiểm soát: 64K3-N, do ông Cao Quốc P2 đứng tên đăng ký theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 661/2016/CVTCX ngày 19/8/2016 và 01 xe mô tô, nhãn hiệu Quick, biển số kiểm soát: 64F4-C, do ông Cao Quốc Y đứng tên đăng ký theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 666/2016/CVTCX ngày 20/8/2016.

2. Án phí: Buộc bà Phan Thị P1 nộp 948.500đ (chín trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Cao Quốc P2 nộp 422.500đ (bốn trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Cao Quốc Y nộp 430.800đ (bốn trăm ba mươi ngàn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền tạm ứng án phí 1.222.000đ (một triệu hai trăm hai mươi hai ngàn đồng) theo biên lai số No 0004152 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 4;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Vân

